

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+TD1+P8	7:25	3+12+7	0+0+0		0+12+3	0+0+0	CHUYEN 1 RC5-P8
2		CLO+P4+PPD	7:25	15+7+0	0+0+0		15+3+4	0+0+0	
3		BK16+GTCl+TD1	9:25	4+6+10	0+0+0		0+6+7	0+0+0	CHUYEN 1 BK16-GTCl
4		TD1+BK5+BK3	9:25	17+2+1	0+0+0		3+7+11	0+0+0	
5		P9+P5+CLO	11:25	4+4+14	0+0+0		0+0+18	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 NGUOI P8 VỀ ĐI BK3, 2 NGUOI P8 VỀ ĐI P9

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2022	TO: RC5 - TD1 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - KHOÀN - HIẾU -	ETA: 09:10
xanh-1		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGUYỄN HUY HOÀN	RC5	92-93	2	18	35	70	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN THANH CONG	RC5	94	1	5		55	XLAP	Vietnamese
3	VU VAN QUY	TD1	79	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
4	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	71	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	VU ĐÌNH PHONG	TD1	80	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	73-74	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	77	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐO MINH DŨNG	TD1	75	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	TRÌNH HUY TOÀN	TD1	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG NGỌC SƠN	TD1	76	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	82	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	81	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG TUẤN ANH	TD1	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE VIET ANH DUC	TD1	72	1	5		80	XLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH PHONG	P8	27	1	10		65	DILINH	Vietnamese
17	DANG TRAN LONG	P8	28-29	2	15		70	DLINH	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG TAM	P8	30	1	10		70	DLINH	Vietnamese
19	DANG VAN HUNG	P8	31-32	2	8		75	DLINH	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH VIET	P8	33-34	2	15	50	68	DLINH	Vietnamese
21	LE DINH HUNG	P8	35-36	2	15		55	DLINH	Vietnamese
22	DOAN HIỆP THO	P8	37	1	15		70	DLINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	2	3	23	125	35	0	4	CHUYỂN 01 PAX TỪ RC5 SANG P8
2	TD1	13	14	71	854	20	12		
3	P8	7	11	88	473	50	3		
TOTAL		22	28	182	1.452	105	15		
WEIGHT KG				182	1.452	105			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

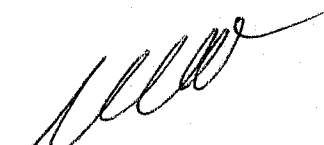
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: CLO - P4 - PPD	CREW: Hạnh - N.ANH - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

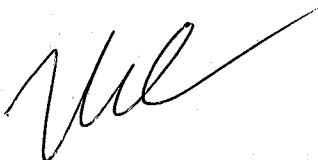
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH THẮNG	CLO	35	1	6	60	65	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN QUANG HIỂN	CLO	34,36	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	32	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
4	SUKHOMLIN IGOR	CLO	37	1	5		120	KHOAN	Russian
5	BUI TRẦN NAM	CLO	31	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VĂN THÔNG	CLO	30	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	23-24	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
8	MAI NGỌC QUYỀN	CLO	26	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	29	1	13		71	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	21	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	22	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH NGỌC GIANG	CLO	28	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
13	BUI XUÂN DUY	CLO	27	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	25	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH XUÂN PHU	CLO	33	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	HAMSIR BIN ASHARI	P4	17-18	2	25	60	52	D-HANH	Malaysian
17	VO HUU DI	P4	20-21	2	7		90	NAM TIEN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU NHAN	P4	24	1	5		57	NAM TIEN	Vietnamese
19	TRAN PHUONG	P4	19	1	5		56	NAM TIEN	Vietnamese
20	DUONG NGOC THUONG	P4	25	1	5		58	NAM TIEN	Vietnamese
21	DOAN KHANH DUY	P4	16	1	8		71	NAM TIEN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU CHIEN	P4	22-23	2	9		72	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

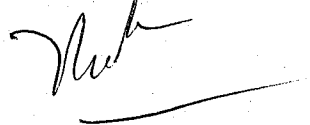
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	15	17	113	1.116	60	15		
2	P4	7	10	64	456	60	3		
3	PPD	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	27	177	1.572	120	22		
WEIGHT KG				177	1.572	120			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

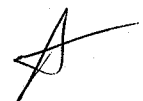
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	TO: BK16 - GTC1 - TD1	CREW: CHIẾN - KHOÀN - HIẾU -	ETA: 11:20
VANG - 2		Cường	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH VŨ	BK16	09-10	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
2	LÀ TUẤN LINH	BK16	11-12	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG QUÂN	BK16	13	1	12	35	78	XAYLAP	Vietnamese
4	DUONG DANG CUONG	BK16	07-08	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN THẾ LONG	GTC1	85	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN ĐỨC NGUYỄN	GTC1	82	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM THANH PHONG	GTC1	72-74	3	18		80	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀ ĐỨC KHÁNH	GTC1	81	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỀN	GTC1	80	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TRUNG	GTC1	83-84	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	25	1	5		55	PSV	Vietnamese
12	BUI VĂN THỊNH	TD1	29	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGO HONG THANH	TD1	31	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC MẠNH THANG	TD1	30	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN DAT	TD1	33-34	2	15	60	78	XAYLAP	Vietnamese
16	HO VAN HAU	TD1	27	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	DUONG MINH DUC	TD1	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	VO DUC GIAP	TD1	32	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN DUNG	TD1	26	1	10		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	7	66	295	35	0	1	CHUYEN 1 PAX BK16-GTC1
2	GTC1	6	9	81	413	0	6		
3	TD1	9	10	86	629	60	7		
TOTAL		19	26	233	1.337	95	13		
WEIGHT KG				233	1.337	95			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2022	TO: TD1 - BK5 - BK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 1035
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - MQUÂN	ETA: 1245
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HANH	TD1	1000,48	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯỜNG VĂN PHÚC	TD1	49-50	2	16		76	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TD1	85-86	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HUY DUẬN	TD1	98-99	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN DANH CHIẾN	TD1	96-97	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC HOANG	TD1	42-43,80	3	20		60	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VINH AN	TD1	81-83	3	22		64	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH HAI ĐUÔNG	TD1	91	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HUNG CUÔNG	TD1	93	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN ĐOÀN	TD1	51	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN DŨNG	TD1	87,89	2	15	18	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO VĂN GIAO	TD1	92	1	6		90	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỊ	TD1	94	1	5		62	PSV	Vietnamese
14	ĐAU DUC HUNG	TD1	95	1	3		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH CONG	TD1	41	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	ĐAU VIET BAC	TD1	84	1	4		77	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN LINH	TD1	90	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CUÔNG	BK5	46-47	2	15	10	80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG PHÚ	BK5	44-45	2	8		61	DK9	Vietnamese
20	LUU MINH TUAN ***2/15/72	BK3	63-64	2	11		75	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	27	209	1.176	18	3		
2	BK5	2	4	23	141	10	7		
3	BK3	1	2	11	75	0	11		
TOTAL		20	33	243	1.392	28	21		
WEIGHT KG				243	1.392	28			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:30
FLIGHT: 5	TO: P9 - P5 - CLO	CREW: Hạnh - NPhú - DTùng	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NGUYEN BAO MINH	P9	05	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUONG	P9	04	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VAN THUY	P9	03	1	8		54	NAMTIEN	Vietnamese
4	NGUYEN TAT VI	P9	62	1	7	11	62	NAMTIEN	Vietnamese
5	BUI VAN MINH	P5	52-53	2	15		59	CODIEN	Vietnamese
6	PHAM TIEN DUNG	P5	01	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
7	LE NGOC TIEN	P5	41-42	2	23		65	NAM TIEN	Vietnamese
8	TRAN MINH DUOC	P5	02-03	2	25		57	NAM TIEN	Vietnamese
9	TRAN MINH THONG	CLO	11-12	2	11		73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CONG	CLO	05-06	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
11	DUONG VAN TUAN	CLO	07-08	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
12	LE TUAN VU	CLO	13	1	7		100	GETRACO	Vietnamese
13	TRUONG HUU PHUOC	CLO	69	1	10		60	YTE	Vietnamese
14	TRAN MINH BACH	CLO	03	1	6		61	PSV	Vietnamese
15	VU VAN THAM	CLO	01	1	3		60	PSV	Vietnamese
16	LE MINH MINH	CLO	15	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	LE VAN HUNG	CLO	02	1	4		61	PSV	Vietnamese
18	DUONG VAN CHAU	CLO	16	1	6		56	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CUONG	CLO	04	1	6		56	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC HOAN	CLO	17	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
21	THIEU VAN LONG	CLO	14	1	11		71	XAYLAP	Vietnamese
22	TRINH XUAN TAI	CLO	09-10	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	4	4	34	264	11	1		
2	P5	4	7	75	251	0	0		
3	CLO	14	18	121	944	0	18		
TOTAL		22	29	230	1.459	11	19		
WEIGHT KG				230	1.459	11			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RC4+P3	7:25	21+0+1	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyen 2 rc4-p3
2		M/RM+TTC2+CNV	9:25	2+12+6	0+0+0		0+12+6	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2022	TO: TD2 - RC4 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG HIỀN	TD2	74	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
2	TRÌNH QUỐC KHÁNH	TD2	62	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	NOROV DENIS	TD2	68	1	15		87	KHOAN	Russian
4	VU VAN ĐOAI	TD2	75-77	3	13		82	KHOAN	Vietnamese
5	DƯƠNG HAI BANG	TD2	70	1	11		85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	83-84	2	20		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					63	KHOAN	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	80	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HUNG CUÔNG	TD2	82	1	2		99	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ VĂN HUNG	TD2	66	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
12	VÔ SĨ MINH TÂN	TD2	81	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC VIỆT	TD2	72	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN MINH	TD2	69	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN QUÂN	TD2	65-66	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	71	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN THĂNG	TD2	78-79	2	20		81	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HỮU HUNG	TD2	73	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
19	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	64-65	2	12		83	KHOAN	Vietnamese
20	ĐO THANH HAI	TD2	63	1	7		69	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC LONG	P3	34	1	20		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	25	177	1.484	0	17		CHUYEN 02 PAX TU RC4 SANG P3
2	RC4	0	0	0	0	0	0	+2	
3	P3	1	1	20	64	0	0		
TOTAL		21	26	197	1.548	0	17		
WEIGHT KG				197	1.548	0			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: MRM - TTC2 - CNV	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 11:40
xanh2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	MRM				80	60	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG BAI	MRM	31	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN THUC	TTC2	98	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	TTC2				26	90	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ QUANG VINH	TTC2	91	1	14	16	75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÀ	TTC2	87	1	11	20	60	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	TTC2	86	1	16		72	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ QUÝ ĐÓN	TTC2	97	1	8		71	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH VĂN TUẤN	TTC2	84	1	10	13	67	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH TRỌNG KIẾN	TTC2	89	1	3	25	70	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ PHU TOA	TTC2	94	1	16	21	65	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀO XUÂN VIỆT	TTC2				21	54	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TÀI	TTC2	20,22	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HIỂN	TTC2	96	1	3		62	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	03	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN SƠN	CNV	05	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO THẾ HÙNG	CNV	06	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC TRI	CNV	04	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	01	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ QUANG HẢI	CNV				20	67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	2	1	12	128	80	0		THAO 1 GHE DOI CHO HANG
2	TTC2	12	11	103	818	142	12		
3	CNV	6	5	30	416	20	6		
TOTAL		20	17	145	1.362	242	18		
WEIGHT KG				145	1.362	242			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: B/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+BK6+P4-CLO	7:25	5+0+12	0+0+0		0+0+2+18	0+0+0	Chuyen 4 BK6-CLO
2		TD5+BK14+RP1+RC4	7:25	21+0+0+0	0+0+0+0		19+0+0+3	0+0+0+0	Chuyen 1 RP1-RC4
3		TD1+BK8+P1	9:25	14+4+1	0+0+0		15+0+7	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK16 - BK6 - P4 - CLO	CREW: CHIẾN - Dương - HIẾU	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SON TÙNG	BK16	96	1	8	13	65	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH NAM	BK16	02-03	2	18	20	65	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ NGỌC HIỆP	BK16	97-99	3	18		82	CODIEN	Vietnamese
4	HA MẠNH HOANG	BK16	01	1	9		75	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN THE DU	BK16	94	1	12		62	CODIEN	Vietnamese
6	ĐO NGỌC HOAN	CLO	60	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
7	DATSKO PAVEL	CLO	300	1	8		110	KHOAN	Russian
8	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	61	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG THANH	CLO	62	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	59	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	64	1	4	80	77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	63	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	66	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
14	KHUẤT QUANG KIẾN	CLO	58	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN KIM HUNG	CLO	68	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN BUI QUANG	CLO	67	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH BẢO	CLO	65	1	8		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

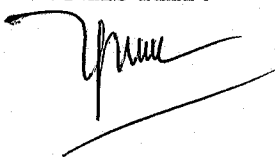
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	8	65	349	33	0		chuyen 4 pax tu BK6-CLO
2	BK6	0	0	0	0	0	0	4	
3	P4	0	0	0	0	0	2		
4	CLO	12	12	76	906	80	18		
TOTAL		17	20	141	1.255	113	20		
WEIGHT KG				141	1.255	113			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

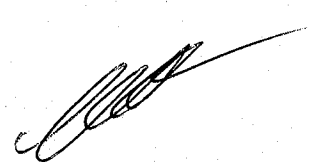
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2022	TO: TD5 - BK14 - RP1 - RC4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - THỤ -	ETA: 09:35
cam - 1		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	97	1	4		69	KHOAN	Russian
2	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	11	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
3	LƯU VĂN PHONG	TD5	14	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	95	1	8	35	88	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	08	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC DANH	TD5	06	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	03	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẬU TRỌNG HOANG	TD5	96	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	05	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	98	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	99	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGUYỄN	TD5	10	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD5	07	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HỒNG LINH	TD5	93	1	10	49	85	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	TD5					73	ANTOAN	Vietnamese
16	PHẠM HAI LONG	TD5	15	1	17		78	DVL	Vietnamese
17	ĐOÀN MINH ĐẠT	TD5	12-13	2	16		72	DVL	Vietnamese
18	VŨ VĂN NAM	TD5	02	1	13		67	DVL	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD5	16	1	18		75	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	TD5	09	1	5		72	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TÙNG	TD5	04	1	15	37	71	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	21	155	1.527	121	19		CHUYEN 1 PAX RP1 - RC4
2	BK14	0	0	0	0	0	1		
3	RP1	0	0	0	0	69	0 + 1		
4	RC4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	21	155	1.527	190	20		
WEIGHT KG				155	1.527	190			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD1 - BK8 - P1	CREW: CHIẾN - Dương - HIẾU	ETA: 11:40
TRANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BRATCHIKOV ANDRIY	TD1	53	1	9		89	KHOAN	Russian
2	BADRETDINOV EDGAR	TD1	59	1	5		72	KHOAN	Russian
3	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	54	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	54	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THIỂU	TD1	60	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	62	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	61	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	63	1	5	19	73	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN NINH	TD1	52	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
11	TRANG NGỌC HÙNG	TD1	66	1	15	60	65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD1	65	1	13		86	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG CƯỜNG	TD1	64	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGÔ THẾ ANH	TD1	72	1	5		64	PSV	Vietnamese
15	BUI XUÂN NGỌC	BK8	04	1	16	8	63	XAYLAP	Vietnamese
16	LUONG VĂN THỨC	BK8	05	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG NGỌC SANG	BK8	06-07	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHÚC	BK8	08	1	9	19	60	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN THĂNG	P1	92	1	9	25	63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	13	89	1.047	79	15		
2	BK8	4	5	50	254	27	0		
3	P1	1	1	9	63	25	7		
TOTAL		19	19	148	1.364	131	22		
WEIGHT KG				148	1.364	131			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN